

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013**

*Hà Nội - Tháng 8 năm 2013*

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 31

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 đã được soát xét.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 (LICOGI 18) (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp cổ phần hóa từ Công ty Xây dựng số 18 thuộc Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 48/QĐ-BXD ngày 10 tháng 1 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 24 tháng 2 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ bảy (07) ngày 1 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Construction anh Investment Joint Stock Company No 18.

Tên viết tắt: LICOGI - 18.

Trụ sở chính: Số 471, đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: L18

#### Danh mục các Công ty con tại thời điểm hợp nhất:

<b>Công ty</b>	<b>Ngành nghề</b>	<b>% Sở hữu (theo ĐKKD)</b>	<b>Quyền biểu quyết</b>
Công ty CPĐT & XD số 18.1	Xây lắp	51%	51%
Công ty CPĐT & XD số 18.3	Xây lắp	59%	59%
Công ty CPĐT & XD số 18.5	Xây lắp	51%	51%
Công ty CPXD Cầu đường số 18.6	Xây lắp	62%	62%
Công ty CPĐT & XD số 18.7	Xây lắp	69%	69%
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Sơn Long	Xây dựng, du lịch	60%	60%

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Đặng Văn Giang	Chủ tịch
	Ông Văn Phụng Hà	Ủy viên
	Bà Bùi Thị Nguyên Hạnh	Ủy viên
	Ông Nguyễn Đình Thủy	Ủy viên
	Ông Nguyễn Anh Dũng	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Đặng Văn Giang	Tổng Giám đốc
	Ông Lê Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Long Điền	Phó Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LÀM ẢNH HƯỞNG ĐẾN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens đã soát xét Báo cáo hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc

---

**Đặng Văn Giang**

**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2013*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18

Kính gửi:       **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013, được lập ngày 21/08/2013 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 (gọi tắt là “Công ty”) được trình bày từ trang 04 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

---

**Trương Văn Nghĩa**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1140-2013-075-1  
Thay mặt và đại diện

---

**Trần Thị Hương Quỳnh**  
**Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1618-2013-075-1

**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

*Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2013*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Mẫu B 01a-DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>970.692.426.610</b>	<b>912.265.863.830</b>
(100 = 110+120+130+140+150)				
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>17.210.790.020</b>	<b>24.578.220.921</b>
1. Tiền	111		14.210.790.020	24.578.220.921
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	-
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>577.731.915.051</b>	<b>540.477.122.350</b>
1. Phải thu khách hàng	131		465.350.988.063	458.414.873.096
2. Trả trước cho người bán	132		69.465.845.681	42.566.402.532
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	60.276.248.820	56.917.714.235
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(17.361.167.513)	(17.421.867.513)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.3	<b>347.923.250.319</b>	<b>331.671.843.580</b>
1. Hàng tồn kho	141		347.923.250.319	331.671.843.580
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>27.826.471.220</b>	<b>15.538.676.979</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	1.421.786.666	893.774.603
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.5	3.023.050.197	3.115.643.874
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	154		627.393.640	540.333.762
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	22.754.240.717	10.988.924.740
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>207.567.351.667</b>	<b>190.189.222.635</b>
(200 = 210+220+240+250+260+269)				
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>120.063.512.603</b>	<b>102.662.128.809</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	93.612.699.737	76.362.346.092
- Nguyên giá	222		217.433.326.866	191.910.187.707
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(123.820.627.129)	(115.547.841.615)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	4.347.578.988	5.398.868.175
- Nguyên giá	228		4.722.578.988	5.748.868.175
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(375.000.000)	(350.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	22.103.233.878	20.900.914.542
<b>III- Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.10	<b>56.716.522.810</b>	<b>56.716.522.810</b>
3. Đầu tư dài hạn khác	258		56.716.522.810	56.716.522.810
<b>V- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>20.759.706.705</b>	<b>20.114.454.163</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	15.273.208.187	14.627.955.645
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.12	5.486.498.518	5.486.498.518
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>VI- Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	5.13	<b>10.027.609.549</b>	<b>10.696.116.853</b>
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.178.259.778.277</b>	<b>1.102.455.086.465</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Mẫu B 01a-DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>1.008.540.387.430</b>	<b>930.239.675.883</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>907.657.658.785</b>	<b>840.964.717.927</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.14	301.231.556.603	266.279.190.642
2. Phải trả người bán	312		381.117.531.390	384.967.503.039
3. Người mua trả tiền trước	313		110.731.634.348	79.634.996.608
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.15	5.704.539.166	9.599.837.776
5. Phải trả người lao động	315		38.176.213.072	51.809.388.661
6. Chi phí phải trả	316	5.16	26.817.532.614	15.382.738.191
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.17	29.694.246.607	21.073.193.949
11. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	323		14.184.404.985	12.217.869.061
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>100.882.728.645</b>	<b>89.274.957.956</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.18	31.000.003.946	41.998.882.420
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	5.19	45.798.144.060	46.726.272.945
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		24.084.580.639	549.802.591
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>126.336.507.598</b>	<b>126.055.207.387</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.20	<b>126.336.507.598</b>	<b>126.055.207.387</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		54.000.000.000	54.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		35.286.008.182	35.286.008.182
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		22.177.832.784	19.794.021.785
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.969.613.153	7.192.158.201
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.903.053.479	9.783.019.219
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>C- Lợi ích của Cổ đông thiểu số</b>	<b>439</b>	5.21	<b>43.382.883.249</b>	<b>46.160.203.195</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 =300+400+439)</b>	<b>440</b>		<b>1.178.259.778.277</b>	<b>1.102.455.086.465</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Chỉ tiêu	30/06/2013	01/01/2013
1. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	2.723.916.538	2.723.916.538
2. Ngoại tệ (USD)	2.383,19	2.381,01

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Kim Xinh

Luu Bá Thái

Đặng Văn Giang

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Mẫu B 02a-DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.22	431.566.711.016	272.479.625.078
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.22	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.22	431.566.711.016	272.479.625.078
4. Giá vốn hàng bán	11	5.23	399.510.256.244	247.264.527.563
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>32.056.454.772</b>	<b>25.215.097.515</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.24	5.169.285.338	15.700.435.196
7. Chi phí tài chính	22	5.24	16.187.259.723	20.077.485.767
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>16.110.870.770</i>	<i>18.326.157.577</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		18.177.012.281	17.210.431.304
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>2.861.468.106</b>	<b>3.627.615.640</b>
11. Thu nhập khác	31	5.25	4.315.319.153	3.594.467.092
12. Chi phí khác	32	5.25	97.772.636	447.536.274
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>		<b>4.217.546.517</b>	<b>3.146.930.818</b>
<b>14. Lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>45</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)</b>	<b>50</b>		<b>7.079.014.623</b>	<b>6.774.546.458</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.26	1.890.706.447	1.516.344.496
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>5.188.308.176</b>	<b>5.258.201.962</b>
<b>19. Lợi ích của Cổ đông thiểu số</b>	<b>61</b>		<b>2.065.308.467</b>	<b>1.980.760.219</b>
<b>20. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (62 = 60-61)</b>	<b>62</b>		<b>3.122.999.709</b>	<b>3.277.441.743</b>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.27	578	607

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Kim Xinh

Lưu Bá Thái

Đặng Văn Giang



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Mẫu B 03a-DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
			từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
			VND	VND
	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>7.079.014.623</b>	<b>6.774.546.458</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		8.834.407.408	8.795.145.125
- Các khoản dự phòng	03		(988.828.885)	421.811.788
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.226.921.702)	(16.935.726.642)
- Chi phí lãi vay	06		16.110.870.770	18.326.157.577
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>25.808.542.214</b>	<b>17.381.934.306</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(48.991.695.411)	33.688.183.685
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(16.251.406.739)	(54.220.720.655)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		22.652.588.455	(8.661.286.806)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.173.264.605)	(298.638.804)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(15.865.604.092)	(18.201.695.757)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.693.897.009)	(2.479.763.710)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		579.737.000	25.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(7.360.605)	(439.313.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD</b>	<b>20</b>		<b>(35.942.360.792)</b>	<b>(33.206.300.741)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(9.525.703.363)	(5.144.544.902)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		57.636.364	1.639.197.579
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(1.537.059.109)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.703.732.163
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		3.799.594.458	5.964.625.289
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(5.668.472.541)</b>	<b>2.625.951.020</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		277.819.013.228	273.309.595.323
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(240.605.670.796)	(245.672.753.918)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.969.940.000)	(9.720.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>34.243.402.432</b>	<b>17.916.841.405</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(7.367.430.901)</b>	<b>(12.663.508.316)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>24.578.220.921</b>	<b>25.349.882.980</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	5.1	<b>17.210.790.020</b>	<b>12.686.374.664</b>

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Kim Xinh

Luu Bá Thái

Đặng Văn Giang

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09a-DN/HN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 (LICOGI 18) (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước từ Công ty Xây dựng số 18 thuộc Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng theo Quyết định số 48/QĐ-BXD ngày 10 tháng 1 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 24 tháng 2 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ bảy (07) ngày 1 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Sở hữu vốn:

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	1.012.500	10.125.000.000	18,75%
Các cổ đông khác	4.387.500	43.875.000.000	81,25%
<b>Cộng</b>	<b>5.400.000</b>	<b>54.000.000.000</b>	

Địa chỉ trụ sở chính: Số 471, đường Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội.

Các Công ty con của Công ty:

<u>Công ty</u>	<u>Ngành nghề</u>	<u>% Sở hữu (theo ĐKKD)</u>	<u>Quyền biểu quyết</u>
Công ty CPĐT & XD số 18.1	Xây lắp	51%	51%
Công ty CPĐT & XD số 18.3	Xây lắp	59%	59%
Công ty CPĐT & XD số 18.5	Xây lắp	51%	51%
Công ty CPXD Cầu đường số 18.6	Xây lắp	62%	62%
Công ty CPĐT & XD số 18.7	Xây lắp	69%	69%
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Sơn Long	Xây dựng, du lịch	60%	60%

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng, đường dây và trạm biến thế điện, các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, nền móng công trình;
- Đầu tư và kinh doanh nhà ở, khu đô thị mới, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, các dự án thủy điện vừa và nhỏ;
- Sản xuất kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng và các loại vật liệu xây dựng, ống cống bê tông, bê tông thương phẩm;
- Gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí xây dựng, cốt pha định hình, dàn giáo, nhà công nghiệp;
- Dịch vụ cho thuê thiết bị, cung cấp vật tư kỹ thuật;
- Tư vấn đầu tư, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát công trình;
- Dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị, sản phẩm cơ khí và kết cấu định hình khác;
- Kinh doanh nhà nghỉ, khách sạn, du lịch;
- Xuất nhập khẩu máy móc vật tư;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng;
- Đưa người Việt Nam đi lao động và làm việc tại nước ngoài (doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép bằng văn bản).

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi, thủy điện.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MÃU B 09a-DN/HN

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN**

### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

### **Năm tài chính/Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

## **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

### **Áp dụng hướng dẫn kế toán mới**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") quy định về Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 203"). Thông tư 45 có hiệu lực từ ngày 10 tháng 06 năm 2013 và được áp dụng từ năm tài chính 2013. Thông tư 45 có một trong những thay đổi cơ bản so với Thông tư 203 là quy định về tiêu chuẩn và nhận biết tài sản cố định có nguyên giá với giá trị từ 30.000.000 đồng.

### **Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ Hợp nhất các Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi Hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B 09a-DN/HN

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

##### **Công cụ tài chính**

###### Ghi nhận ban đầu

###### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

###### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

###### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

##### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

**Kỳ hoạt động**  
**từ ngày 01/01/2013**  
**đến ngày 30/06/2013**  
**Thời gian khấu hao**  
(Năm)

Nhà xưởng và vật kiến trúc	07 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 07
Phương tiện vận tải	06 - 10
Tài sản khác	07

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MÃU B 09a-DN/HN

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

##### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

##### **Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

##### **Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

##### **Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

##### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MÃU B 09a-DN/HN

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

##### **Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

##### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

##### **Hợp đồng xây dựng**

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Việc xác định doanh thu của Hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và các yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

##### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MÃU B 09a-DN/HN

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

##### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Các Công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

##### **Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

##### **Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a-DN/HN

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động kinh doanh trong các bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận được lập theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.059.926.594	1.176.595.764
Tiền gửi ngân hàng	13.150.863.426	23.401.625.157
Các khoản tương đương tiền	3.000.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>17.210.790.020</b>	<b>24.578.220.921</b>

**5.2 Phải thu khác**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Licogi 1	1.244.818.466	1.244.818.466
Công ty Licogi 20	1.538.259.054	1.538.259.054
Công ty Cổ phần TB CN Maksteel	19.007.024.457	19.007.024.457
Công ty CP Đầu tư Phát triển 18	9.541.353	9.541.353
Công ty Cổ phần Sản xuất VLXD Kim Sơn	5.949.995.732	5.949.995.732
Công ty CP Đầu tư Đô thị số 18.9	25.158.627.150	23.002.161.482
Phải thu khác	7.367.982.608	6.165.913.691
<b>Tổng</b>	<b>60.276.248.820</b>	<b>56.917.714.235</b>

**5.3 Hàng tồn kho**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	5.960.015.150	4.096.915.402
Công cụ, dụng cụ	386.209.772	492.325.977
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	295.660.265.973	286.637.752.993
Hàng gửi đi bán	45.916.759.424	40.444.849.208
<b>Tổng</b>	<b>347.923.250.319</b>	<b>331.671.843.580</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MÃU B 09a-DN/HN

**5.4 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.421.786.666	893.774.603
<b>Tổng</b>	<b>1.421.786.666</b>	<b>893.774.603</b>

**5.5 Thuế GTGT được khấu trừ và các khoản phải thu Nhà nước**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ	3.023.050.197	3.115.643.874
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	624.822.250	537.762.372
Các khoản khác phải thu Nhà nước	2.571.390	2.571.390
<b>Tổng</b>	<b>3.650.443.837</b>	<b>3.655.977.636</b>

**5.6 Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	17.264.240.717	8.572.924.740
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.490.000.000	2.416.000.000
<b>Tổng</b>	<b>22.754.240.717</b>	<b>10.988.924.740</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a-DN/HN

**5.7 Tài sản cố định hữu hình***Đơn vị: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
<b>Nguyên giá</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>	<b>26.546.204.534</b>	<b>102.826.208.438</b>	<b>60.602.716.957</b>	<b>1.935.057.778</b>	<b>191.910.187.707</b>
<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>12.600.554.643</b>	<b>8.433.277.760</b>	<b>5.196.750.000</b>	<b>125.783.636</b>	<b>26.356.366.039</b>
Mua mới trong kỳ	1.000.000.000	8.433.277.760	5.196.750.000	125.783.636	14.755.811.396
XDCB hoàn thành	1.360.455.661	-	-	-	1.360.455.661
Tăng tài sản VPCT Licogi 18.1 từ DA Licogi 18.1 Tower	10.240.098.982	-	-	-	10.240.098.982
<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>13.630.279</b>	<b>609.048.690</b>	<b>66.448.368</b>	<b>144.099.543</b>	<b>833.226.880</b>
Thanh lý nhượng bán	-	98.932.125	39.266.551	15.391.412	153.590.088
Đ/c Giảm theo TT 45	13.630.279	510.116.565	27.181.817	128.708.131	679.636.792
<b>Tại ngày 30/06/2013</b>	<b>39.133.128.898</b>	<b>110.650.437.508</b>	<b>65.733.018.589</b>	<b>1.916.741.871</b>	<b>217.433.326.866</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>	<b>10.269.773.899</b>	<b>67.099.845.824</b>	<b>36.934.369.598</b>	<b>1.243.852.294</b>	<b>115.547.841.615</b>
<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>456.849.883</b>	<b>4.342.643.820</b>	<b>3.849.562.426</b>	<b>160.351.279</b>	<b>8.809.407.408</b>
Khấu hao trong kỳ	456.849.883	4.342.643.820	3.849.562.426	160.351.279	8.809.407.408
<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>11.027.269</b>	<b>391.270.034</b>	<b>49.081.096</b>	<b>85.243.495</b>	<b>536.621.894</b>
Thanh lý, nhượng bán	-	98.932.125	26.209.886	15.391.412	140.533.423
Đ/c Giảm theo TT 45	11.027.269	292.337.909	22.871.210	69.852.083	396.088.471
<b>Tại ngày 30/06/2013</b>	<b>10.715.596.513</b>	<b>71.051.219.610</b>	<b>40.734.850.928</b>	<b>1.318.960.078</b>	<b>123.820.627.129</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>	<b>16.276.430.635</b>	<b>35.726.362.614</b>	<b>23.668.347.359</b>	<b>691.205.484</b>	<b>76.362.346.092</b>
<b>Tại ngày 30/06/2013</b>	<b>28.417.532.385</b>	<b>39.599.217.898</b>	<b>24.998.167.661</b>	<b>597.781.793</b>	<b>93.612.699.737</b>

**5.8 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình tại thời điểm 30/06/2013 gồm: giá trị quyền sử dụng đất lâu dài của diện tích 2.622,65 m<sup>2</sup> đất thuộc dự án Nhà dịch vụ văn phòng, thương mại và nhà ở tại phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh với nguyên giá tại 30/06/2013 là 4.222.578.988 đồng và một số tài sản khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a-DN/HN

**5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND</b>	<b>Năm 2012 VND</b>
Tại ngày đầu kỳ/năm	20.900.914.542	12.672.791.640
Phát sinh Tăng	2.562.774.997	13.193.158.732
Kết chuyển tài sản cố định	1.360.455.661	4.964.729.968
Giảm khác	-	305.862
<b>Tại ngày cuối kỳ/năm</b>	<b>22.103.233.878</b>	<b>20.900.914.542</b>
<b><u>Chi tiết các hạng mục công trình</u></b>	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dự án nhà E Thanh Xuân	20.020.000	20.020.000
Dự án Sơn Đồng	745.554.545	745.554.545
Dự án NM SX bê tông TBXD - HY	17.684.012.234	16.110.083.907
Các hạng mục công trình khác	3.653.647.099	4.025.256.090
<b>Tổng</b>	<b>22.103.233.878</b>	<b>20.900.914.542</b>

**5.10 Đầu tư tài chính dài hạn**

	<b>30/06/2013 VND</b>	<b>01/01/2013 VND</b>
Đầu tư dài hạn khác	56.716.522.810	56.716.522.810
<i>Công ty CP Vận tải &amp; Du lịch Hương Sơn (1)</i>	<i>2.350.522.810</i>	<i>2.350.522.810</i>
<i>Công ty CP BOT Quốc lộ 2 (2)</i>	<i>9.100.000.000</i>	<i>9.100.000.000</i>
<i>Công ty Du lịch Hồng Lĩnh (3)</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>2.000.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (4)</i>	<i>43.266.000.000</i>	<i>43.266.000.000</i>
<b>Tổng</b>	<b>56.716.522.810</b>	<b>56.716.522.810</b>

**Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác**

- (1) Số tiền tương đương 235.000 cổ phần chiếm 2,9% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải và Du lịch Hương Sơn.
- (2) Số tiền tương đương 910.000 cổ phần chiếm 5,83% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2.
- (3) Số tiền góp vốn dự án cáp treo Hương Tích Hà Tĩnh của Công ty Du lịch Hồng Lĩnh.
- (4) Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 24/12/2010 với Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ Tầng: Số lượng 1.200.000 CP mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, giá mua 10.200 đồng/cổ phần, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo mệnh giá và đã chuyển tiền thanh toán qua ngân hàng.

Theo Quyết định số 37/QĐ-HĐQT ngày 25/12/2012 của HĐQT LICOGI 18 góp bổ sung vốn cổ phần vào Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà bằng hình thức chuyển một phần công nợ từ giá trị Xây lắp hoàn thành do LICOGI 18 thi công Nhà máy thủy điện Bắc Hà thành vốn góp vào Cty CP Thủy điện Bắc Hà. Giá trị chuyển đổi: 31.266.000.000 đồng tương ứng 3.126.000 cổ phần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a-DN/HN

**5.11 Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND</b>	<b>Năm 2012 VND</b>
Tại ngày đầu kỳ/năm	14.627.955.645	13.079.599.535
Phát sinh tăng	5.508.198.400	10.679.226.725
Phân bổ vào chi phí trong kỳ/năm	4.862.945.858	9.130.870.615
<b>Tại ngày cuối kỳ/năm</b>	<b>15.273.208.187</b>	<b>14.627.955.645</b>
<b><u>Chi tiết theo khoản mục chi phí</u></b>	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí Công cụ, dụng cụ & khác chờ phân bổ	15.273.208.187	14.627.955.645
<b>Tổng</b>	<b>15.273.208.187</b>	<b>14.627.955.645</b>

**5.12 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>30/06/2013 VND</b>	<b>01/01/2013 VND</b>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>5.486.498.518</b>	<b>5.486.498.518</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (*)	5.486.498.518	5.486.498.518

(\*) Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh liên quan đến việc trích lập dự phòng bảo hành Công trình Nhà máy điện Cao Ngạn và Trạm bê tông Sơn La.

**5.13 Lợi thế thương mại**

	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND</b>	<b>Năm 2012 VND</b>
<b>Lợi thế thương mại mua lại từ CTCP ĐT &amp; PT Sơn Long</b>	<b>10.696.116.853</b>	<b>12.033.131.460</b>
Giá trị phân bổ trong kỳ/năm	668.507.304	1.337.014.607
<b>Lợi thế thương mại tại ngày cuối kỳ</b>	<b>10.027.609.549</b>	<b>10.696.116.853</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a-DN/HN

**5.14 Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>269.340.991.078</b>	<b>243.299.546.332</b>
Ngân hàng ĐT & PT VN-Bắc Hải Dương (1)	211.620.118.818	182.913.937.435
Ngân hàng Công thương - CN Hải Dương	17.998.233.539	24.568.748.443
Ngân hàng ĐT & PT VN - CN Hà Nội	8.915.195.564	8.126.733.473
Ngân hàng ĐT & PT VN - CN Tây Hà Nội	9.122.810.258	7.589.970.021
Ngân hàng ĐT & PT VN - CN Hưng Yên	19.376.632.899	16.860.521.332
Ngân hàng Công thương VN - CN Uông Bí	2.308.000.000	3.239.635.628
<b>Vay các đối tượng khác</b>	<b>31.890.565.525</b>	<b>21.473.098.090</b>
Vay vốn Dự án Thịnh Liệt (*)	10.575.351.870	13.082.693.418
Các đối tượng khác	21.315.213.655	8.390.404.672
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>-</b>	<b>1.506.546.220</b>
Ngân hàng ĐT và PT VN - Bắc Hải Dương	-	1.506.546.220
<b>Tổng</b>	<b>301.231.556.603</b>	<b>266.279.190.642</b>

**Thuyết minh một số hợp đồng vay chủ yếu:**

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 219063/13/HĐ ký ngày 12/06/2013 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Dương. Hạn mức dư nợ tối đa là 187.000.000.000 đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, thời hạn rút vốn của hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 12/06/2014. Lãi suất được áp dụng trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ, có thể chấp bằng tài sản đảm bảo và toàn bộ số dư tiền gửi Ngân hàng bằng VND và ngoại tệ của Công ty.
- Là tiền vay vốn các cá nhân phục vụ đầu tư Dự án xây dựng nhà chung cư Thịnh Liệt.

**5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	3.426.150.897	6.154.855.704
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.097.609.177	2.880.123.222
Thuế thu nhập cá nhân	180.720.112	204.186.832
Thuế tài nguyên	58.980	370.589
Các loại thuế khác	-	360.301.429
<b>Tổng</b>	<b>5.704.539.166</b>	<b>9.599.837.776</b>

**5.16 Chi phí phải trả**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trích trước chi phí lãi vay ngân hàng	526.539.941	602.771.060
Chi phí vật liệu chưa có hoá đơn	14.134.931.346	-
Trích trước chi phí các công trình	12.156.061.327	14.779.967.131
<b>Tổng</b>	<b>26.817.532.614</b>	<b>15.382.738.191</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a-DN/HN

**5.17 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	1.355.588.887	1.463.490.140
Bảo hiểm xã hội	1.898.744.621	1.670.569.097
Bảo hiểm y tế	309.855.589	347.466.087
Bảo hiểm thất nghiệp	125.275.010	152.998.596
Các khoản phải trả, phải nộp khác	26.004.782.500	17.438.670.029
- Các CD mua CP của CT CPTĐ Bắc Hà	1.785.000.000	1.785.000.000
- Phải trả trong tổ hợp nhà thầu	9.231.515	9.231.515
- Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	1.600.000.000	1.600.000.000
- Phải trả khác	22.610.550.985	14.044.438.514
<b>Tổng</b>	<b>29.694.246.607</b>	<b>21.073.193.949</b>

**5.18 Vay và nợ dài hạn**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay dài hạn Ngân hàng</b>	<b>31.000.003.946</b>	<b>41.998.882.420</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN		
-CN Hưng Yên (1)	6.000.000.000	3.600.000.000
Ngân hàng Công thương VN - CN Uông Bí (2)	5.802.500.000	7.854.300.000
Vay đối tượng khác	19.197.503.946	30.544.582.420
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>31.000.003.946</b>	<b>41.998.882.420</b>

(1) Hợp đồng tín dụng số 219063/10/HĐTD - TH ngày 07/10/2010 về việc đầu tư dây chuyền sản xuất bê tông 125m<sup>3</sup>/h; xe trộn BT, 02 xe xúc lật, Thời gian vay 36 tháng, lãi suất 14%/năm có sự điều chỉnh của ngân hàng theo từng thời kỳ.

(2) Khoản vay Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Uông Bí với mục đích vay đầu tư xây dựng trạm trộn bê tông với thời hạn vay là 5 năm. Lãi suất sử dụng vốn vay trong thời gian 2 năm đầu kể từ ngày giải ngân trong năm 2009 được hỗ trợ 4%/năm theo chủ trương kích cầu của Nhà nước. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ dự án.

**5.19 Dự phòng phải trả dài hạn**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí bảo hành công trình	45.798.144.060	46.726.272.945
<b>Tổng</b>	<b>45.798.144.060</b>	<b>46.726.272.945</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a-DN/HN

**5.20 Vốn chủ sở hữu****Vốn điều lệ**

Cổ đông	Cổ phần	Vốn điều lệ theo <u>Giấy chứng nhận ĐKKD</u>		Vốn thực tế đã góp đến ngày 30/06/2013	
		VND	%	VND	%
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	1.012.500	10.125.000.000	18,75	10.125.000.000	18,75
Các cổ đông khác	4.387.500	43.875.000.000	81,25	43.875.000.000	81,25
<b>Tổng</b>	<b>5.400.000</b>	<b>54.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>54.000.000.000</b>	<b>100</b>

**Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Năm 2012
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	54.000.000.000	54.000.000.000
Vốn góp tại ngày cuối kỳ/năm	54.000.000.000	54.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>2.969.940.000</b>	<b>14.040.060.000</b>

**Cổ phiếu**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Năm 2012
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	5.400.000	5.400.000

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a-DN/HN

**5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****Biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch TG hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư tại 01/01/2012</b>	<b>54.000.000.000</b>	<b>35.286.008.182</b>	<b>9.262.726</b>	<b>18.641.274.018</b>	<b>6.186.887.761</b>	<b>21.521.338.977</b>	<b>135.644.771.664</b>
<b>Tăng trong năm</b>	-	-	-	<b>1.152.747.767</b>	<b>1.005.270.440</b>	<b>9.423.272.174</b>	<b>11.581.290.381</b>
Trích quỹ	-	-	-	1.152.747.767	1.005.270.440	-	2.158.018.207
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	9.423.272.174	9.423.272.174
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	<b>9.262.726</b>	-	-	<b>21.161.591.932</b>	<b>21.170.854.658</b>
Trích quỹ	-	-	-	-	-	5.908.456.519	5.908.456.519
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	14.040.060.000	14.040.060.000
Giảm khác	-	-	9.262.726	-	-	1.213.075.413	1.222.338.139
<b>Số dư tại 31/12/2012</b>	<b>54.000.000.000</b>	<b>35.286.008.182</b>	<b>-</b>	<b>19.794.021.785</b>	<b>7.192.158.201</b>	<b>9.783.019.219</b>	<b>126.055.207.387</b>
<b>Số dư tại 01/01/2013</b>	<b>54.000.000.000</b>	<b>35.286.008.182</b>	<b>-</b>	<b>19.794.021.785</b>	<b>7.192.158.201</b>	<b>9.783.019.219</b>	<b>126.055.207.387</b>
<b>Tăng trong kỳ</b>	-	-	-	<b>2.383.810.999</b>	<b>777.454.952</b>	<b>3.122.999.709</b>	<b>6.284.265.660</b>
Trích quỹ	-	-	-	2.383.810.999	777.454.952	-	3.161.265.951
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	3.122.999.709	3.122.999.709
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	-	-	<b>6.002.965.449</b>	<b>6.002.965.449</b>
Trích quỹ	-	-	-	-	-	2.878.761.076	2.878.761.076
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	2.969.940.000	2.969.940.000
Giảm khác	-	-	-	-	-	154.264.373	154.264.373
<b>Số dư tại 30/06/2013</b>	<b>54.000.000.000</b>	<b>35.286.008.182</b>	<b>-</b>	<b>22.177.832.784</b>	<b>7.969.613.153</b>	<b>6.903.053.479</b>	<b>126.336.507.598</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a-DN/HN

**5.21 Lợi ích của Cổ đông thiểu số**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn đầu tư của Cổ đông thiểu số	36.226.200.000	36.643.500.000
Quỹ đầu tư phát triển	4.042.491.650	2.923.445.416
Quỹ Dự phòng tài chính	1.852.530.510	1.508.738.881
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.261.661.089	5.084.518.898
<b>Tổng</b>	<b>43.382.883.249</b>	<b>46.160.203.195</b>

**5.22 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Kỳ hoạt động</b>	<b>Kỳ hoạt động</b>
	<b>từ 01/01/2013</b>	<b>từ 01/01/2012</b>
	<b>đến 30/06/2013</b>	<b>đến 30/06/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa và dịch vụ	64.568.290.646	28.145.423.631
Doanh thu hoạt động Xây dựng	343.310.804.870	243.439.599.265
Doanh thu kinh doanh Bất động sản	23.687.615.500	894.602.182
<b>Tổng</b>	<b>431.566.711.016</b>	<b>272.479.625.078</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>431.566.711.016</b>	<b>272.479.625.078</b>

**5.23 Giá vốn hàng bán**

	<b>Kỳ hoạt động</b>	<b>Kỳ hoạt động</b>
	<b>từ 01/01/2013</b>	<b>từ 01/01/2012</b>
	<b>đến 30/06/2013</b>	<b>đến 30/06/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa và dịch vụ	60.180.096.405	24.361.847.328
Giá vốn hoạt động xây dựng	316.085.134.487	222.497.312.532
Giá vốn kinh doanh Bất động sản	23.245.025.352	405.367.703
<b>Tổng</b>	<b>399.510.256.244</b>	<b>247.264.527.563</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MÃU B 09a-DN/HN

**5.24 Doanh thu / chi phí hoạt động tài chính**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.668.835.869	4.616.771.944
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.500.449.469	1.979.150.000
Lãi từ bán cổ phiếu, trái phiếu	-	255.557.337
Doanh thu tài chính khác	-	8.848.955.915
<b>Tổng</b>	<b>5.169.285.338</b>	<b>15.700.435.196</b>
<b>Chi phí tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	16.110.870.770	18.326.157.577
Chi phí hoạt động tài chính khác	76.388.953	1.751.328.190
<b>Tổng</b>	<b>16.187.259.723</b>	<b>20.077.485.767</b>
<b>Lãi (lỗ) hoạt động tài chính</b>	<b>(11.017.974.385)</b>	<b>(4.377.050.571)</b>

**5.25 Thu nhập/ Chi phí khác**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu tiền nhượng bán, thanh lý TSCĐ	57.636.364	1.639.197.579
Hoàn nhập chi phí dự phòng	1.523.076.000	1.326.498.057
Các khoản khác	2.734.606.789	628.771.456
<b>Tổng</b>	<b>4.315.319.153</b>	<b>3.594.467.092</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Giá trị còn lại của TSCĐ nhượng bán, thanh lý	-	403.906.133
Chi phí khác	97.772.636	43.630.141
<b>Tổng</b>	<b>97.772.636</b>	<b>447.536.274</b>
<b>Lãi (lỗ) hoạt động khác</b>	<b>4.217.546.517</b>	<b>3.146.930.818</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a-DN/HN

**5.26 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>7.079.014.623</b>	<b>6.774.546.458</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	483.811.165	71.848.436
- Các khoản điều chỉnh tăng	9.575.200.634	10.120.978.436
- Các khoản điều chỉnh giảm	(9.091.389.469)	(10.049.130.000)
Tổng thu nhập chịu thuế	7.562.825.788	6.846.394.894
<b>Lợi nhuận từ kinh doanh Bất động sản</b>	-	<b>1.863.490.909</b>
Chi phí thuế hoạt động kinh doanh BĐS	-	465.872.727
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh khác</b>	<b>7.562.825.788</b>	<b>4.982.903.985</b>
<b>Thuế suất</b>	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.890.706.447	1.245.725.996
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp</b>	<b>1.890.706.447</b>	<b>1.711.598.723</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	195.254.227
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.890.706.447</b>	<b>1.516.344.496</b>

**5.27 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>3.122.999.709</b>	<b>3.277.441.743</b>
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>3.122.999.709</b>	<b>3.277.441.743</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	5.400.000	5.400.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>578</b>	<b>607</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN/HN

#### 6. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Mẹ và các Công ty con là Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy điện, các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, các loại hình kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể. Do đó khi hợp nhất Báo cáo tài chính Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo các lĩnh vực kinh doanh.

Cơ cấu tổ chức của toàn Công ty bao gồm Văn phòng Công ty Mẹ đặt tại Thành phố Hà Nội, các đơn vị hạch toán phụ thuộc gồm 7 Công ty con đặt tại các tỉnh khác nhau. Các hạng mục công trình và dịch vụ của Công ty được bàn giao cho khách hàng có thể thông qua Công ty Mẹ đối với các công trình do Licogi 18 làm thầu phụ đảm nhận thi công, hoặc do các Công ty con trực tiếp bàn giao với Chủ đầu tư nếu các hạng mục công trình do các Công ty con tự tìm kiếm.

Các thông tin về hoạt động kinh doanh hợp nhất của toàn Công ty theo từng đơn vị như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	Công ty Mẹ	Công ty CP ĐT và XD số 18.1	Công ty CP ĐT và XD số 18.3	Công ty CP ĐT và XD số 18.5	Công ty CP ĐT và XD Cầu đường số 18.6	Công ty CP ĐT và XD số 18.7	Công ty CP Xây dựng An Bình	Công ty CP ĐT & PT Sơn long	Điều chỉnh hợp nhất	Tổng Cộng
<b>Tài sản</b>										
Tài sản bộ phận	748.467.470.693	194.658.456.694	144.072.295.945	105.355.890.713	249.603.777.978	105.600.099.164	-	15.607.548.386	(385.105.761.296)	<b>1.178.259.778.277</b>
Đầu tư vào Công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng tài sản</b>	<b>748.467.470.693</b>	<b>194.658.456.694</b>	<b>144.072.295.945</b>	<b>105.355.890.713</b>	<b>249.603.777.978</b>	<b>105.600.099.164</b>	<b>-</b>	<b>15.607.548.386</b>	<b>(385.105.761.296)</b>	<b>1.178.259.778.277</b>
<b>Nợ phải trả</b>										
Nợ phải trả bộ phận	629.623.978.999	171.560.733.795	126.755.091.656	87.948.012.362	218.163.977.871	94.816.821.762	-	12.616.666.830	(332.944.895.845)	<b>1.008.540.387.430</b>
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>629.623.978.999</b>	<b>171.560.733.795</b>	<b>126.755.091.656</b>	<b>87.948.012.362</b>	<b>218.163.977.871</b>	<b>94.816.821.762</b>	<b>-</b>	<b>12.616.666.830</b>	<b>(332.944.895.845)</b>	<b>1.008.540.387.430</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a-DN/HN

**6. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)**

**Kết quả kinh doanh hợp nhất**

*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Công ty Mẹ	Công ty CPĐT và XD số 18.1	Công ty CPĐT và XD số 18.3	Công ty CPĐT và XD số 18.5	Công ty CPĐT và XD Cầu đường số 18.6	Công ty CPĐT và XD số 18.7	Công ty CP Xây dựng An Bình	Công ty CPĐT & PT Sơn long	Điều chỉnh hợp nhất	Tổng Cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	268.336.238.975	87.117.557.433	94.969.599.213	32.487.636.367	75.635.223.272	30.585.982.260	23.745.259.807	-	(181.310.786.311)	431.566.711.016
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>268.336.238.975</b>	<b>87.117.557.433</b>	<b>94.969.599.213</b>	<b>32.487.636.367</b>	<b>75.635.223.272</b>	<b>30.585.982.260</b>	<b>23.745.259.807</b>	<b>-</b>	<b>(181.310.786.311)</b>	<b>431.566.711.016</b>
<i>Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp cho các khách hàng bên ngoài</i>	234.217.475.950	74.340.307.261	52.756.579.712	21.258.033.778	36.280.583.485	2.348.994.158	10.364.736.672	-	(181.310.786.311)	250.255.924.705
<i>Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ nội bộ</i>	34.118.763.025	12.777.250.172	42.213.019.501	11.229.602.589	39.354.639.787	28.236.988.102	13.380.523.135	-	-	181.310.786.311
<b>Tổng Doanh thu thuần</b>	<b>268.336.238.975</b>	<b>87.117.557.433</b>	<b>94.969.599.213</b>	<b>32.487.636.367</b>	<b>75.635.223.272</b>	<b>30.585.982.260</b>	<b>23.745.259.807</b>	<b>-</b>	<b>(181.310.786.311)</b>	<b>431.566.711.016</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>259.348.205.624</b>	<b>83.709.606.294</b>	<b>88.144.385.359</b>	<b>30.067.998.948</b>	<b>71.549.486.488</b>	<b>25.631.633.236</b>	<b>22.369.673.957</b>	<b>52.649</b>	<b>(181.310.786.311)</b>	<b>399.510.256.244</b>
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>8.988.033.351</b>	<b>3.407.951.139</b>	<b>6.825.213.854</b>	<b>2.419.637.419</b>	<b>4.085.736.784</b>	<b>4.954.349.024</b>	<b>1.375.585.850</b>	<b>(52.649)</b>	<b>-</b>	<b>32.056.454.772</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	13.830.188.828	91.982.840	14.024.443	17.251.817	920.774.041	14.582.484	816.594	52.649	(9.720.388.358)	5.169.285.338
Chi phí tài chính	10.402.616.027	876.908.881	1.727.030.946	597.272.515	766.308.389	3.018.367.401	1.928.203.922	-	(3.129.448.358)	16.187.259.723
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.883.860.482	2.027.772.149	3.690.972.880	1.698.263.930	2.862.532.796	1.763.693.081	581.409.660	-	668.507.303	18.177.012.281
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>7.531.745.670</b>	<b>595.252.949</b>	<b>1.421.234.471</b>	<b>141.352.791</b>	<b>1.377.669.640</b>	<b>186.871.026</b>	<b>(1.133.211.138)</b>	<b>-</b>	<b>(7.259.447.303)</b>	<b>2.861.468.106</b>
Lợi nhuận khác	-	1.820.325.102	871.105.908	-	28.228.000	5.488.790	1.492.398.717	-	-	4.217.546.517
Lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>7.531.745.670</b>	<b>2.415.578.051</b>	<b>2.292.340.379</b>	<b>141.352.791</b>	<b>1.405.897.640</b>	<b>192.359.816</b>	<b>359.187.579</b>	<b>-</b>	<b>(7.259.447.303)</b>	<b>7.079.014.623</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	614.894.513	582.085.095	35.338.198	378.968.124	57.089.954	222.330.563	-	-	1.890.706.447
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Kết quả kinh doanh theo đơn vị</b>	<b>7.531.745.670</b>	<b>1.800.683.538</b>	<b>1.710.255.284</b>	<b>106.014.593</b>	<b>1.026.929.516</b>	<b>135.269.862</b>	<b>136.857.016</b>	<b>-</b>	<b>(7.259.447.303)</b>	<b>5.188.308.176</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a-DN/HN

**7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

**Các loại công cụ tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b><u>Tài sản tài chính</u></b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.210.790.020	24.578.220.921
Phải thu khách hàng và phải thu khác	508.266.069.370	497.910.719.818
Đầu tư dài hạn	56.716.522.810	56.716.522.810
<b>Tổng</b>	<b>582.193.382.200</b>	<b>579.205.463.549</b>
<b><u>Công nợ tài chính</u></b>		
Các khoản vay	332.231.560.549	308.278.073.062
Phải trả khách hàng và phải trả khác	410.811.777.997	406.040.696.988
Chi phí phải trả	26.817.532.614	15.382.738.191
<b>Tổng</b>	<b>769.860.871.160</b>	<b>729.701.508.241</b>

Thông tư số 210/2009/TT-BTC ban hành ngày 06/11/2009 về việc “hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính”, tuy nhiên Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá hàng hóa.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**Rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

*Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua hàng hóa, dịch vụ từ các nhà cung cấp chủ yếu là trong nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MÃU B 09a-DN/HN

**7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*****Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng là các bên liên quan và các khách hàng hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn. Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Tổng Cộng</i>
<b>Tại ngày 30/06/2013</b>			
Các khoản vay và nợ	301.231.556.603	31.000.003.946	332.231.560.549
Phải trả người bán và phải trả khác	208.043.868.475	202.767.909.522	410.811.777.997
Chi phí phải trả và chi phí trích trước khác	21.295.278.461	5.522.254.153	26.817.532.614
<b>Tổng</b>	<b>530.570.703.539</b>	<b>239.290.167.621</b>	<b>769.860.871.160</b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>			
Các khoản vay và nợ	266.279.190.642	41.998.882.420	308.278.073.062
Phải trả người bán và phải trả khác	54.584.261.119	351.456.435.869	406.040.696.988
Chi phí phải trả và chi phí trích trước khác	15.382.738.191	-	15.382.738.191
<b>Tổng</b>	<b>336.246.189.952</b>	<b>393.455.318.289</b>	<b>729.701.508.241</b>

Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a-DN/HN

**8. THÔNG TIN KHÁC****a. Giao dịch và số dư với các bên liên quan***Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</u> VND	<u>Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012</u> VND
Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	Thù lao HĐQT & BKS	336.000.000	336.000.000
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Luong và các khoản khác	329.700.000	327.900.000

*Giao dịch với các bên liên quan*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</u> VND	<u>Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012</u> VND
<b><u>Giao dịch bán hàng</u></b>				
TCT Xây dựng & PT Hạ tầng	Công ty góp vốn	Doanh thu xây lắp Bán hàng hóa, bê tông	9.470.822.855 -	4.022.462.699 640.656.561
<b><u>Giao dịch mua hàng</u></b>				
TCT Xây dựng & PT Hạ tầng	Công ty góp vốn	Kinh phí tổng thầu HS thực tập Thuê cầu & khác	37.368.182 - -	45.082.942 - (371.811.828)

*Số dư với các bên liên quan*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>30/06/2013</u> VND	<u>01/01/2013</u> VND
<b><u>Các khoản phải thu</u></b>				
TCT Xây dựng & PT Hạ tầng	Công ty góp vốn	Phải thu KH Trả trước người bán	29.823.295.546 16.147.880.000	30.455.564.472 16.147.880.000
<b><u>Các khoản phải trả</u></b>				
TCT Xây dựng & PT Hạ tầng	Công ty góp vốn	Phải trả tiền hỗ trợ kỹ thuật	676.061.945	676.061.945



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a-DN/HN

**b. Một số chỉ tiêu đánh giá thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty**

<b>Stt</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</b>	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012</b>
<b>1.</b>	<b>Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn</b>			
1.1	Bố trí cơ cấu tài sản			
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	17,62	16,76
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	82,38	83,24
1.2	Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	85,60	82,92
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	10,72	12,77
<b>2.</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>			
2.1	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	0,96	1,00
2.2	Khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	1,07	1,13
2.3	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,02	0,02
<b>3.</b>	<b>Tỷ suất sinh lời</b>			
3.1	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	1,64	2,49
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	0,72	1,20
3.2	Tỷ suất lợi nhuận trên Tổng tài sản			
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên Tổng tài sản	%	0,60	0,69
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản	%	0,27	0,33
3.3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	2,47	2,62

**9. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán và Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 đã được soát xét.

**Người lập****Kế toán trưởng***Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2013*  
**Tổng Giám đốc****Nguyễn Thị Kim Xinh****Lưu Bá Thái****Đặng Văn Giang**